

Số 673 + 674

Ngày 28 tháng 5 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

10-5-2024 -	Nghị định số 50/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.	3
-------------	---	---

(Đăng từ Công báo số 671 + 672 đến số 673 + 674)

15-5-2024 -	Nghị định số 51/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.	45
-------------	---	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**CHỦ TỊCH NƯỚC**

13-5-2024 -	Quyết định số 402/QĐ-CTN về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam.	47
13-5-2024 -	Quyết định số 403/QĐ-CTN về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam.	56
13-5-2024 -	Quyết định số 404/QĐ-CTN về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam.	60
15-5-2024 -	Quyết định số 409/QĐ-CTN về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam.	63

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

15-5-2024 -	Công điện số 49/CĐ-TTg về việc tập trung phát hiện, điều tra và xác minh thông tin để xử lý vi phạm quy định về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá (VMS).	79
-------------	--	----

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

14-5-2024 -	Thông báo số 24/2024/TB-LPQT về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: “Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông”.	83
-------------	--	----

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP
ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định
số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định
về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

(Tiếp theo Công báo số 671 + 672)

Phụ lục IX
BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
(Ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP
ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ
PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY CƠ SỞ

Kính gửi:(1).....

Tên tôi là:

Số CCCD/ Hộ chiếu: cấp ngày:tháng.....năm.....

Điện thoại: Email:.....

Chức vụ:.....

Đại diện cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Đề nghị(1)..... phê duyệt phương án chữa cháy cơ sở đối
với:.....(2).....

.....(3).....

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(1) Cơ quan Công an tiếp nhận hồ sơ;

(2) Tên cơ sở;

(3) Đối với trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính ghi nội dung: tôi ủy quyền cho:
.....CCCD/CMND/Hộ chiếu:cấp ngày:..... thực hiện thủ tục phê duyệt phương án
chữa cháy cơ sở...

(4) Chức vụ người ký.

Mẫu số PC20

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../LHD-...

....., ngày... tháng... năm....

**LỆNH HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN
VÀ TÀI SẢN THAM GIA HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của.....(3).....

Tôi:..... Chức vụ:.....

Cơ quan/đơn vị:

Yêu cầu ông/bà:

Đại diện cho cơ quan/tổ chức/hộ gia đình:

Địa chỉ:.....

Huy động ngay lực lượng, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý, gồm:

- Lực lượng:người;

- Phương tiện:.....

- Tài sản:

Có mặt tại:.....

trước giờphút, ngày/...../..... để.....(4).....

Thời gian huy động/điều động (nếu có): đến giờ....ngày....tháng...năm...

- Thời điểm phát lệnh: ...giờ...phút, ngày .../.../...;

....(5)...

- Thời điểm nhận lệnh: ...giờ...phút, ngày .../.../...; (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản cấp trên;

(2) Tên cơ quan của người ra lệnh;

(3) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị huy động/điều động;

(4) Ghi cụ thể nhiệm vụ tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy;

(5) Chức vụ của người ký.

Mẫu số PC21

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ
KIỂM TRA, CẤP CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ

Kính gửi:(3).....

Đơn vị:(2)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020; Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

Từ ngày..... tháng..... năm.... đến ngày..... tháng..... năm.....,(2) đã tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ cho(4).....Địa điểm tổ chức:

Tổng số người được huấn luyện: (có danh sách kèm theo).

.....(2)..... đề nghị(3)..... tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả và cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ.

.....(5).....

Nơi nhận:

-

-

- Lưu:

.....(6).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có);

(2) Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;

(3) Tên cơ quan Công an kiểm tra, cấp Chứng nhận huấn luyện;

(4) Đối tượng đã được huấn luyện;

(5) Đối với trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính ghi nội dung: Tôi ủy quyền cho:

CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày:....., thực hiện thủ tục cấp Chứng nhận huấn luyện;

(6) Chức vụ của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cơ sở.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, CẤP CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN
(Kèm theo Công văn số: ngày.... tháng..... năm..... của.....(2).....)

TT	Họ và tên	Năm sinh	CCCD/ CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi làm việc/ Thường trú	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
...						

Mẫu số PC22

.....(1).....

.....(2).....

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA,
CẤP CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ

Kính gửi:(3).....

Đơn vị:(2)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020; Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

Đề nghị(3)..... tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ cho(4)..... với tổng số học viên là: (có danh sách kèm theo).

Thời gian dự kiến từ ngày..... tháng..... năm.... đến ngày.... tháng... năm....

.....(5).....

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

.....(6).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có);
- (2) Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản;
- (3) Tên cơ quan Công an huấn luyện/cơ sở huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- (4) Đối tượng đăng ký huấn luyện;
- (5) Đối với trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính ghi nội dung: tôi ủy quyền cho:
.....CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:....., thực hiện thủ tục cấp Chứng nhận huấn luyện;
- (6) Chức vụ của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, cơ sở.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ
HUẤN LUYỆN, CẤP CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN
(Kèm theo Công văn số: ngày.... tháng..... năm..... của.....(2).....)

TT	Họ và tên	Năm sinh	CCCD/CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi làm việc/Thường trú	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
...						

Mẫu số PC23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ
HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN

Kính gửi: ...(1)....

Tôi là:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CCCD/Hộ chiếu:..Ngày cấp:.....

Nơi làm việc/thường trú:.....

Số điện thoại:

Tôi xin đăng ký tham dự lớp huấn luyện nghiệp vụ:

- Phòng cháy, chữa cháy ☐- Cứu nạn, cứu hộ ☐

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định về tổ chức của lớp huấn luyện.

...., ngày.... tháng... năm....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Ghi tên cơ quan tổ chức lớp huấn luyện.

Mẫu số PC24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN

Kính gửi: ...(1)....

Tôi là:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:

Nơi làm việc/thường trú:.....

Số điện thoại:

Ngày tháng năm, tôi được(1)....cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ.

Do: Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ bị hư hỏng/mất.

Đề nghị quý cơ quan cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ.

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

...., ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận huấn luyện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

Hội giờ phút, ngày ... tháng năm tại:
.....
Chúng tôi gồm:
.....
.....

Đã tiến hành kiểm định chất lượng, chủng loại, mẫu mã phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo văn bản đề nghị kiểm định ngày thángnăm của(1).....

I. PHƯƠNG THỨC KIỂM ĐỊNH:

1. Mẫu thử nghiệm:
.....
.....

2. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu(2):
.....
.....

3. Kiểm định các thông số kỹ thuật của phương tiện phòng cháy và chữa cháy:
.....
.....

II. THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH:
.....
.....

III. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH:

TT	Tên, số hiệu, quy cách phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất

TT	Nội dung kiểm định	Đối chiếu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
		Theo QCVN/TCVN/ quy định	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	

IV. KẾT LUẬN:

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản được hoàn thành vào hồi giờ phút ngày ... tháng ... năm và được lập thành bản.

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị trực tiếp sản xuất, lắp ráp, hoàn cải trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy đề nghị kiểm định;
- (2) Hồ sơ, tài liệu gồm: văn bản đề nghị kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy; Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc xuất xưởng của phương tiện; Giấy chứng nhận chất lượng của phương tiện (nếu có); tài liệu kỹ thuật của phương tiện đề nghị kiểm định.

Mẫu số PC26

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm....

ĐỀ NGHỊ

.....(2)

Kính gửi:(3).....

Tên đơn vị đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ngày.....tháng.... năm ..., cơ
quan cấp:.....

Họ tên người đại diện theo pháp luật:.....

Chức vụ:.....

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu: cấp ngàytháng... năm.....

Đề nghị Quý cơ quan.....(2)..... cho phương tiện/lô phương tiện
ghi tại bảng thống kê kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị trực tiếp sản xuất, lắp ráp, hoán cải trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy đề nghị kiểm định;

(2) Ghi “Kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy” đối với trường hợp kiểm định kỹ thuật; ghi “Kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy” đối với trường hợp kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy;

(3) Cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;

(4) Chức vụ của người ký.

Mẫu số PC27

....(1)....
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày... tháng.... năm...

**ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Kính gửi: (2).....

Căn cứ kết quả kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện/lô phương tiện tại.....(3)..... ngày.... tháng..... năm..... của..... (4)

Chúng tôi đề nghị..... (2)..... cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho phương tiện/lô phương tiện tại bảng thông kê kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....(5).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị trực tiếp sản xuất, lắp ráp, hoàn cải trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy đề nghị kiểm định;
- (2) Tên cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp Giấy chứng nhận kiểm định;
- (3) Biên bản kiểm định (đối với trường hợp việc kiểm định do cơ sở kinh doanh dịch vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy trong nước thực hiện)/chứng nhận kết quả thử nghiệm, kiểm định (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định theo kết quả thử nghiệm, kiểm định của các cơ quan, tổ chức nước ngoài);
- (4) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc tên cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện thử nghiệm, kiểm định (trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định theo chứng nhận kết quả thử nghiệm, kiểm định của các cơ quan, tổ chức nước ngoài);
- (5) Chức vụ của người ký.

Mẫu số PC28

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LẤY MẪU

Vào hồi..... giờ ngày tháng năm tại:

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện đơn vị kiểm định

- Ông/Bà:..... ; Chức vụ:.....

- Ông/Bà:..... ; Chức vụ:.....

2. Đại diện đơn vị đề nghị kiểm định:

- Ông/Bà:..... ; Chức vụ:.....

- Ông/Bà:..... ; Chức vụ:.....

Đã tiến hành kiểm đếm số lượng, lấy mẫu phương tiện phòng cháy, chữa cháy (PCCC) để kiểm định (theo văn bản đề nghị ngày tháng....năm.....), bao gồm:

TT	Tên phương tiện PCCC	Ký, mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng đề nghị kiểm định	Ngày sản xuất /số lô (nếu có)	Số lượng lấy mẫu	Ghi chú
1							
2							
...							

1. Phương pháp lấy mẫu: Theo TCVN/QCVN/Quy định kỹ thuật/Phương pháp ngẫu nhiên bảo đảm mẫu là đại diện cho lô phương tiện PCCC đề nghị kiểm định.

2. Tình trạng mẫu:

- Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định.

- Số lượng phương tiện còn lại được niêm phong toàn bộ (có xác nhận của đại diện đơn vị lấy mẫu và đơn vị đề nghị kiểm định).

3. Thời gian kết thúc lấy mẫu: hồi..... giờphút ngày.... thángnăm

Biên bản đã được các bên thông qua và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, được ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

ĐẠI DIỆN(2)....
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẤY MẪU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm định.

Mẫu số PC29

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../KĐ-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của (3) về việc cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại văn bản số, ngày tháng năm;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện/ lô phương tiện tại biên bản kiểm định/kết quả kiểm định ngày ... tháng ... năm ... của (4)

..... (2)

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/lô phương tiện: (5) ghi tại trang của (6).....

.....

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu:

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(7).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Ghi chú:** Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy in trên giấy khổ A4; khung viền kép, hai nét đều nhau, màu đỏ; nền giấy màu xanh nhạt, ở giữa có hình Công an hiệu;
- (1) Tên cơ quan chủ quản cấp trên;
 - (2) Tên đơn vị cấp giấy chứng nhận kiểm định;
 - (3) Tên đơn vị trực tiếp sản xuất, lắp ráp, hoán cải trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
 - (4) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc tên cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện kiểm định (trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định theo kết quả thử nghiệm, kiểm định của các cơ quan, tổ chức nước ngoài);
 - (5) Phương tiện phòng cháy, chữa cháy đề nghị kiểm định;
 - (6) Tên và địa chỉ của đơn vị trực tiếp sản xuất, lắp ráp, hoán cải trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
 - (7) Chức vụ của người ký.

Mẫu số PC30

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ
.....(3)..... **CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN**
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi:(1).....

1. Họ và tên: Nam/Nữ:

2. Sinh ngày tháng năm Nơi sinh:

3. Quốc tịch:

4. Số CCCD/Hộ chiếu:, cấp ngàytháng.... năm.....

Nơi thường trú:

5. Nơi ở hiện nay:

6. Số điện thoại:

7. Trình độ chuyên môn (ghi rõ ngành đào tạo):

8. Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:

Đề nghị được(3)..... chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy trong các lĩnh vực:(2).....

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung trên và cam kết hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

.....(4).....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan Công an;

(2) Ghi lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ: tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy;

(3) Ghi cụ thể yêu cầu cấp hoặc cấp đổi hoặc cấp lại;

(4) Đối với trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính ghi nội dung: tôi ủy quyền cho:CCCD/Hộ chiếu:cấp ngày:....., thực hiện thủ tục.

Mẫu số PC31

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN
TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

1. Họ và tên:

2. Quá trình hoạt động chuyên môn về phòng cháy và chữa cháy:

TT	Thời gian	Hoạt động phòng cháy và chữa cháy trong cơ quan, tổ chức	Nội dung hoạt động phòng cháy và chữa cháy	Tên cơ quan chủ đầu tư, địa điểm xây dựng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Kinh nghiệm tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;			
1				
2				
II	Kinh nghiệm tư vấn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy			
1				
2				
III	Kinh nghiệm tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy			
1				
2				
IV	Kinh nghiệm tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy			
1				
2				
V	Kinh nghiệm thi công về phòng cháy và chữa cháy			
1				
2				

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.... tháng năm....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN,
TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày.... tháng.... năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Số thứ tự;
- (2) Ghi rõ từ tháng, năm... đến tháng, năm...;
- (3) Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức đã hoạt động;
- (4) Ghi rõ tên công trình đã được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, số văn bản, ngày cấp, đơn vị cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tương ứng theo từng công trình và nội dung hoạt động phòng cháy và chữa cháy (thiết kế hoặc thẩm định hoặc thi công hoặc giám sát về phòng cháy và chữa cháy); vai trò chủ trì hay tham gia).

Mẫu số PC32

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các hoạt động tư vấn về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Không tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền./.

.....(3).....
.....(4).....



CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Ảnh 3x4cm

Nội dung hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy:

TT	Lĩnh vực hành nghề (1)
01	
02	
03	
04	
05	

Số chứng chỉ:(6).....
(.....(5).....)

....., ngày..... tháng năm
.....(2).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CCCD/Hộ chiếu:

Trình độ chuyên môn:

Ghi chú: Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy in trên giấy khổ A5; nền giấy mặt ngoài màu vàng nhạt; nền giấy mặt trong màu xanh nhạt, ở giữa có hình Công an hiệu;

(1) Ghi nội dung lĩnh vực hành nghề về phòng cháy và chữa cháy: tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, tư vấn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy;

(2) Chức vụ của người ký;

(3) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp;

(4) Tên cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy;

(5) Ghi nội dung: thay thế Chứng chỉ số do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ/Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh .. cấp ngày / / (Trong trường hợp Chứng chỉ được cấp đổi, cấp lại đối với mẫu Chứng chỉ hành nghề được cấp theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP);

(6) Số Chứng chỉ lấy theo số lưu riêng, có cấu trúc: XXXX/YYYY/PCCC-ZZZ. Trong đó (XXXX) ghi số thứ tự theo từng năm bắt đầu từ số 0001; (YYYY) ghi năm cấp chứng chỉ; ZZZ - Quy ước ký hiệu viết tắt tên địa phương cấp theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (ví dụ: **0001/2023/PCCC-AGN**).

STT	Nơi cấp	Ký hiệu	STT	Nơi cấp	Ký hiệu
1	An Giang	ANG	17	Đắk Nông	DAN
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BRV	18	Điện Biên	DIB
3	Bắc Giang	BAG	19	Đồng Nai	DON
4	Bắc Kạn	BAK	20	Đồng Tháp	DOT
5	Bạc Liêu	BAL	21	Gia Lai	GIL
6	Bắc Ninh	BAN	22	Hà Giang	HAG
7	Bến Tre	BET	23	Hà Nam	HNA
8	Bình Định	BID	24	Hà Nội	HAN
9	Bình Dương	BDG	25	Hà Tĩnh	HAT
10	Bình Phước	BIP	26	Hải Dương	HAD
11	Bình Thuận	BIT	27	Hải Phòng	HAP
12	Cà Mau	CAM	28	Hậu Giang	HGI
13	Cao Bằng	CAB	29	Hòa Bình	HOB
14	Cần Thơ	CAT	30	Hưng Yên	HUY
15	Đà Nẵng	DNA	31	Khánh Hòa	KHH
16	Đắk Lắk	DAL	32	Kiên Giang	KIG

STT	Nơi cấp	Ký hiệu	STT	Nơi cấp	Ký hiệu
33	Kon Tum	KOT	49	Quảng Trị	QTR
34	Lai Châu	LAC	50	Sóc Trăng	SOT
35	Lâm Đồng	LAD	51	Sơn La	SOL
36	Lạng Sơn	LAS	52	Tây Ninh	TAN
37	Lào Cai	LCA	53	Thái Bình	THB
38	Long An	LOA	54	Thái Nguyên	THN
39	Nam Định	NAD	55	Thanh Hóa	THH
40	Nghệ An	NGA	56	Thừa Thiên Huế	TTH
41	Ninh Bình	NIB	57	Tiền Giang	TIG
42	Ninh Thuận	NIT	58	TP. Hồ Chí Minh	HCM
43	Phú Thọ	PHT	59	Trà Vinh	TRV
44	Phú Yên	PHY	60	Tuyên Quang	TUQ
45	Quảng Bình	QUB	61	Vĩnh Long	VIL
46	Quảng Nam	QUN	62	Vĩnh Phúc	VIP
47	Quảng Ngãi	QNG	63	Yên Bái	YEB
48	Quảng Ninh	QNI			

Mẫu số PC33

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ(7)..... GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Kính gửi:(2).....

.....(1).....

Địa chỉ trụ sở chính

Địa điểm kinh doanh:(6)

Điện thoại:Fax:

.....(3).....số:..... cấp ngày tháng năm

Người đứng đầu/Người đại diện theo pháp luật là ông/bà:

Chức vụ:.....

CCCD/Hộ chiếu:cấp ngày:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đã được cấp trước đó (nếu có): Số Giấy xác nhận....., ngày cấp....., Cơ quan cấp.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét(7).....Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy cho:(1)..... trong các lĩnh vực sau:(4).....

Tôi cam kết thực hiện, bảo đảm và duy trì liên tục các điều kiện theo quy định như đã được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xác nhận; đồng thời, có trách nhiệm thông báo kịp thời cho quý cơ quan biết về những thay đổi có liên quan đến điều kiện kinh doanh dịch vụ về phòng cháy và chữa cháy đã được xác nhận.

.....(8).....

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;
- (2) Cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy xác nhận;
- (3) Ghi tên một trong những loại văn bản sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy phép hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; văn bản thành lập hoặc cho phép hoạt động kèm theo văn bản thông báo mã số thuế đối với đơn vị sự nghiệp;
- (4) Ghi rõ lĩnh vực hoạt động (tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyên gia công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy; kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy);
- (5) Chức vụ của người đề nghị;
- (6) Ghi cụ thể thông tin địa điểm hoạt động, địa điểm sản xuất, kinh doanh, phòng thử nghiệm;
- (7) Ghi cụ thể yêu cầu cấp hoặc cấp đổi hoặc cấp lại;
- (8) Đối với trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính ghi nội dung:(1).....ủy quyền cho:CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:....., thực hiện thủ tục(7) Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy.

Mẫu số PC34

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GXN-PCCC

GIẤY XÁC NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở;

Xét đề nghị của:(3).....

.....(2).....

XÁC NHẬN:

.....(3).....

*.....(4)..... số: cấp ngày tháng năm,
cơ quan cấp:*

Trụ sở tại:

Người đứng đầu/Người đại diện theo pháp luật là:

Chức vụ:

CCCD/Hộ chiếu số:, cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (theo danh mục kèm theo)/.

Nơi nhận:

-(3).....

-

- Lưu:.....

....., ngày tháng năm

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ
ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
(Kèm theo Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ
phòng cháy và chữa cháy số /GXN-PCCC ngày..... tháng..... năm... của.....)

TT	Ngành, nghề được phép kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Mã ngành	Ghi chú
1			(6)....
2			
3			
4			

.....(7)

Ghi chú: Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy in trên giấy khổ A4; khung viền kép, hai nét đều nhau, màu đỏ; nền giấy màu xanh nhạt, ở giữa có hình Công an hiệu.

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp;
 (2) Tên cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy cấp giấy xác nhận;
 (3) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;
 (4) Ghi tên một trong các loại văn bản sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Giấy phép hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; văn bản thành lập hoặc cho phép hoạt động kèm theo văn bản thông báo mã số thuế đối với đơn vị sự nghiệp;

(5) Chức vụ của người ký;

(6) Liệt kê các phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy được phép kiểm định, địa điểm phòng thử nghiệm (đối với trường hợp kinh doanh dịch vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy); các phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp, địa điểm sản xuất, lắp ráp (đối với trường hợp kinh doanh dịch vụ sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy);

(7) Ghi nội dung: thay thế Giấy xác nhận số do Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ/Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh cấp ngày / /) trong trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ về phòng cháy và chữa cháy được cấp đổi/cấp lại.

Mẫu số PC35

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../CNHL.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ ...(3)...

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy/Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ kết quả tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả/xác minh hồ sơ và xét đề nghị của(4).....

..... (2)

CHỨNG NHẬN:

....(5).... cá nhân đã được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ do/tại(6)..... tổ chức (có danh sách kèm theo).

Thời gian tập huấn từ ngày... đến ngày ...

Nơi nhận:

-;
- Lưu:

.....(7).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản cấp trên;
- (2) Tên đơn vị cấp Chứng nhận huấn luyện;
- (3) Nội dung huấn luyện (PCCC/CNCH);
- (4) Tên đơn vị đề xuất tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả;
- (5) Số lượng cá nhân tham gia tập huấn;
- (6) Tên đơn vị hoặc địa điểm tổ chức tập huấn;
- (7) Chức vụ của người ký.

DANH SÁCH

**Cá nhân được cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ
phòng cháy, chữa cháy/cứu nạn, cứu hộ**

(Kèm theo Chứng nhận số: ngày... /... /.... của..... (2).....)

TT	Họ và tên	Năm sinh	CMND/ CCCD/Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi làm việc/ nơi thường trú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
...					

Mẫu số PC36

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:(2).....

**DANH SÁCH CÁ NHÂN CÓ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Số CCCD/HC	Số, ngày tháng quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động	Văn bằng, chứng chỉ			ĐT liên hệ
						Số	Ngày cấp	Đơn vị cấp	
1								Chuyên ngành/ nội dung đào tạo, bồi dưỡng/ hành nghề	
2									
3									

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(3).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;
(2) Cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy xác nhận;
(3) Chức vụ của người đề nghị.

Mẫu số PC37

.....(1).....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:(2).....

DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH DỊCH VỤ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

TT	Tên, số hiệu thiết bị, máy móc	Số lượng	Ký, mã hiệu	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
I. Phương tiện, thiết bị phục vụ tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy						
1						
2						
...						
II. Phương tiện, thiết bị phục vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy						
1						
2						
...						

III. Phương tiện, thiết bị phục vụ tư vấn chuyển giao công nghệ; huấn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy					
1					
2					
...					
IV. Phương tiện, thiết bị phục vụ thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy					
1					(3).....
2					
...					
V. Phương tiện, thiết bị phục vụ sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy					
1					
2					
...					

....., ngày..... tháng..... năm.....
.....(4).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy;
- (2) Cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy xác nhận;
- (3) Ghi số giấy chứng nhận hiệu chuẩn, mã số phòng thí nghiệm đối với phương tiện thiết bị phục vụ tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;
- (4) Chức vụ của người đề nghị.

Mẫu số PC38

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG AN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

(1)

Số ⁽²⁰⁾.....

PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CƠ QUAN CÔNG AN

Loại hình sự cố, tai nạn: ⁽²⁾

A. ĐẶC ĐIỂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CỨU NẠN, CỨU HỘ

I. Tính chất, đặc điểm của loại hình sự cố, tai nạn có liên quan đến công tác cứu nạn, cứu hộ:⁽³⁾

.....
.....

II. Chiến thuật, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ đối với loại hình sự cố, tai nạn:⁽⁴⁾

.....
.....

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SỰ CỐ, TAI NẠN

I. Vị trí địa lý:⁽⁵⁾

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ⁽⁶⁾

II. Giao thông và khả năng tiếp cận:⁽⁷⁾

.....
.....

III. Giả định tình huống sự cố, tai nạn:⁽⁸⁾

.....
.....

IV. Dự kiến lực lượng, phương tiện cứu nạn, cứu hộ:⁽⁹⁾

.....
.....

V. Bảng thống kê lực lượng, phương tiện dự kiến huy động:⁽¹⁰⁾

TT	Đơn vị được huy động	Điện thoại	Số người được huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện được huy động	Ghi chú
1					
2					
...					
Tổng số:					

VI. Tổ chức triển khai cứu nạn, cứu hộ:

1. Nhiệm vụ của cơ quan Công an⁽¹¹⁾

.....

2. Nhiệm vụ của lực lượng khác: ⁽¹²⁾

.....

VII. Sơ đồ bố trí lực lượng, phương tiện ⁽¹³⁾

C. DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM/VỊ TRÍ CÓ NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ, TAI NẠN CÙNG LOẠI HÌNH:

STT	Địa điểm/ Vị trí ⁽¹⁴⁾	Đánh giá đặc điểm có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn ⁽¹⁵⁾	Ghi chú
1			
2			
...			

D. BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN, CỨU HỘ: ⁽¹⁶⁾

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Người xây dựng phương án ký	Chỉ huy xây dựng phương án ký
1				
2				
...				

Đ. THEO DÕI HỌC VÀ THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN, CỨU HỘ: ⁽¹⁷⁾

Ngày, tháng, năm	Nội dung, hình thức học, thực tập	Tình huống sự cố, tai nạn giả định	Số người, phương tiện tham gia	Nhận xét, đánh giá kết quả

....., ngày.... tháng.... năm.....

PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN

.....⁽¹⁹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm.....

**CHỈ HUY ĐƠN VỊ
XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

.....⁽¹⁸⁾.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....

**NGƯỜI TRỰC TIẾP/CHỦ TRÌ
XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN GHI PHƯƠNG ÁN

(1) Ghi “Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH” hoặc tên Công an cấp huyện xây dựng phương án.

(2) Loại hình sự cố, tai nạn ghi theo các nhóm tình huống:

- Sự cố, tai nạn sập đổ nhà, công trình;
- Sự cố, tai nạn thiết bị, máy móc;
- Sự cố, tai nạn sạt lở đất, đá; cây cối;
- Sự cố, tai nạn có người bị mắc kẹt trong nhà; công trình;
- Sự cố, tai nạn trên cao; dưới sâu;
- Sự cố, tai nạn trong thiết bị; trong hang, hầm; công trình ngầm;
- Sự cố, tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa;
- Tai nạn đuối nước tại sông, suối, thác nước, hồ, ao, giếng nước, hố sâu có nước, bãi tắm;
- Sự cố, tai nạn tại khu du lịch, khu vui chơi giải trí.

(3) Tính chất, đặc điểm có liên quan đến công tác cứu nạn, cứu hộ: ghi rõ đặc điểm của loại hình sự cố, tai nạn sập, trong đó nêu được đặc điểm kiến trúc, xây dựng (nếu có) và các yếu tố nguy hiểm của các loại hình sự cố, tai nạn gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người; dự báo, đánh giá các yếu tố nguy hiểm xảy ra nếu không kịp thời tổ chức cứu nạn, cứu hộ.

(4) Chiến thuật, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ đối với loại hình, sự cố, tai nạn: căn cứ vào tính chất, đặc điểm của loại hình sự cố, tai nạn có liên quan đến công tác cứu nạn, cứu hộ nêu ở Mục (3) để đề ra chiến thuật, kỹ thuật, phương pháp, biện pháp cứu nạn, cứu hộ phù hợp, công tác tổ chức hướng dẫn thoát nạn, tổ chức cứu người, cứu và di chuyển phương tiện, tài sản; bảo đảm hậu cần; tổ chức thông tin liên lạc và thực hiện các hoạt động phục vụ cứu nạn, cứu hộ khác.

(5) Vị trí địa lý: ghi rõ vị trí, khu vực xảy ra sự cố, tai nạn, cách trung tâm quận, huyện... bao nhiêu km; các công trình, đường phố.... tiếp giáp theo bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc.

(6) Sơ đồ mặt bằng tổng thể: cần thể hiện rõ tên gọi của các hạng mục, nhà, công trình, đường giao thông, hướng gió,... tiếp giáp xung quanh khu vực xảy ra sự cố, tai nạn; các yếu tố ảnh hưởng đến sự cố, tai nạn,... Sơ đồ vẽ trên khổ giấy A4 hoặc lớn hơn cho phù hợp.

(7) Giao thông và khả năng tiếp cận: ghi rõ các tuyến đường, những tác động ảnh hưởng đến việc lưu thông, khoảng cách từ cơ quan Công an được phân công

thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đến nơi xảy ra sự cố, tai nạn; các tuyến đường bên trong và bên ngoài địa điểm, khu vực xảy ra sự cố, tai nạn mà các phương tiện cứu nạn, cứu hộ cơ giới hoạt động, tiếp cận được.

(8) Giả định tình huống sự cố, tai nạn: giả định tình huống sự cố, tai nạn có quy mô, diễn biến phức tạp, có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, công tác cứu nạn, cứu hộ gặp nhiều khó khăn, cần phải huy động nhiều lực lượng và phương tiện mới có thể xử lý được, trong đó giả định cụ thể về thời gian, địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn (có thể vào ban đêm hoặc ngoài giờ làm việc, việc phát hiện và báo muộn); điểm xảy ra sự cố, tai nạn, nguyên nhân xảy ra sự cố, tai nạn và nguyên nhân dẫn đến sự cố, tai nạn phát triển rộng, lớn; dự kiến khả năng phát triển của sự cố, tai nạn và những yếu tố ảnh hưởng tác động tới công tác cứu nạn, cứu hộ như khu vực nguy hiểm, sập đổ công trình, rò rỉ hóa chất độc hại...; dự kiến vị trí và số lượng người bị nạn trong khu vực sự cố, tai nạn.

(9) Dự kiến lực lượng, phương tiện cứu nạn, cứu hộ: trên cơ sở áp dụng chiến thuật, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ đối với tình huống sự cố, tai nạn giả định, dự kiến số lượng lực lượng, phương tiện cần thiết để trực tiếp triển khai các hoạt động cứu nạn, cứu hộ (tổ chức trinh sát, cứu người, hướng dẫn thoát nạn; phá dỡ cấu kiện, cứu tài sản...) và lực lượng phục vụ cứu nạn, cứu hộ (bảo đảm an ninh, trật tự, giao thông, y tế, điện lực, phá dỡ, hậu cần...).

(10) Bảng thống kê lực lượng, phương tiện dự kiến huy động: căn cứ kết quả dự kiến lực lượng, phương tiện ở Mục (9) để ghi vào bảng thống kê lực lượng, phương tiện của cơ quan Công an và các đơn vị của các cơ quan, tổ chức tại địa phương tham cứu nạn, cứu hộ. Trường hợp lực lượng, phương tiện hiện có tại địa phương chưa đáp ứng đủ theo dự kiến ở Mục (9) thì ghi vào bảng thống kê lực lượng, phương tiện dự kiến huy động của Công an các địa phương được huy động tham gia cứu nạn, cứu hộ để đáp ứng đủ theo dự kiến đối với tình huống này.

(11) Nhiệm vụ của cơ quan Công an: nêu rõ nhiệm vụ, vai trò của chỉ huy cứu nạn, cứu hộ trong việc tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin về vụ sự cố, tai nạn; tổ chức huy động lực lượng, phương tiện tham gia cứu nạn, cứu hộ. Khi xác định sự cố, tai nạn có quy mô lớn, diễn biến phức tạp, kéo dài, người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ phải kịp thời đề xuất người có thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện, tài sản của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài địa phương tham gia cứu nạn, cứu hộ; đề xuất thành lập Ban Chỉ huy, Ban Tham mưu cứu nạn, cứu hộ, xác định thành phần và giao nhiệm vụ cụ thể của thành viên. Khi đến hiện trường phải tổ chức chỉ huy cứu nạn, cứu hộ theo quy định (tổ chức trinh sát để nắm vị trí và tình trạng người bị nạn, quy mô, diễn biến của sự cố, tai nạn; xác định khu vực cứu nạn, cứu hộ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị tham gia; quyết định chiến thuật, kỹ thuật, phương pháp, biện pháp cứu nạn, cứu hộ và tổ chức theo từng giai đoạn phù hợp với tình hình lực lượng, phương tiện hiện có); kịp thời thông

tin phối hợp với các lực lượng khác tham gia (bảo đảm an ninh, trật tự, giao thông, y tế, điện lực, phá dỡ, hậu cần, thông tin liên lạc, chiếu sáng...). Trường hợp cứu nạn, cứu hộ lâu dài phải bố trí thay cán bộ, chiến sĩ, bổ sung nhiên liệu, trang thiết bị cứu nạn, cứu hộ, thực phẩm... Khi kết thúc các hoạt động cứu nạn, cứu hộ, tổ chức thu hồi lực lượng, phương tiện, tập hợp thông tin, thống kê phục vụ xây dựng báo cáo; phối hợp bảo vệ hiện trường.

(12) Nhiệm vụ của các lực lượng khác: ghi rõ nhiệm vụ cơ bản sẽ phân công cho các lực lượng được huy động tham gia cứu nạn, cứu hộ và thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến công tác cứu nạn, cứu hộ.

(13) Sơ đồ bố trí lực lượng phương tiện cứu nạn, cứu hộ: vẽ sơ đồ bố trí lực lượng, phương tiện cứu nạn, cứu hộ theo từng giai đoạn, trong đó thể hiện hướng gió, hướng dòng chảy; các hạng mục công trình, đường giao thông, sông, hồ... giáp ranh; vị trí xảy ra sự cố, tai nạn; quy mô, diện tích khu vực sự cố, tai nạn; vị trí ban chỉ huy; hướng tấn công chính; trên sơ đồ thể hiện việc triển khai hoạt động của lực lượng, phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng các ký hiệu thống nhất theo quy định tại mẫu phương án này. Có bảng chú thích cụ thể phương tiện của các đơn vị, cơ quan tổ chức tham gia trên sơ đồ. Sơ đồ sử dụng khổ giấy A4 hoặc lớn hơn cho phù hợp.

(14) Địa điểm/vị trí: là địa chỉ cụ thể, nơi có tính chất, đặc điểm dễ xảy ra sự cố, tai nạn tương tự thuộc loại hình ghi tại Mục (2).

(15) Đánh giá đặc điểm có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn cùng loại hình: đánh giá sơ bộ đặc điểm của địa điểm/vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác cứu nạn, cứu hộ như: độ sâu, diện tích mặt nước, hướng dòng chảy, các lối tiếp cận... (đối với sự cố, tai nạn dưới nước); chiều rộng tuyến đường, độ dốc... (đối với sự cố, tai nạn giao thông đường bộ)... và nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng con người, phương tiện, tài sản khi xảy ra sự cố, tai nạn.

(16) Bổ sung, chỉnh lý phương án: nêu nội dung bổ sung, chỉnh lý trong phương án có liên quan đến việc tổ chức cứu nạn, cứu hộ. Cán bộ được giao việc bổ sung, chỉnh lý phương án và người có thẩm quyền phê duyệt phương án xác nhận việc bổ sung, chỉnh lý phương án (ký, ghi rõ cấp bậc, họ và tên).

(17) Theo dõi học và thực tập phương án: sau mỗi lần tổ chức học, thực tập phương án phải ghi lại thông tin cơ bản về lần tập, thực tập phương án đó.

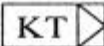
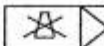
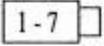
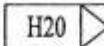
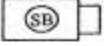
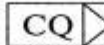
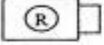
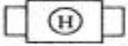
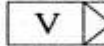
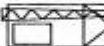
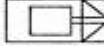
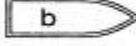
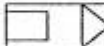
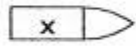
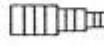
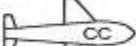
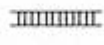
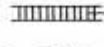
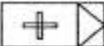
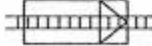
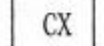
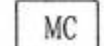
(18) Ghi chức vụ của chỉ huy đơn vị xây dựng phương án, ký, ghi rõ cấp bậc, họ và tên.

(19) Ghi chức vụ của người có thẩm quyền phê duyệt phương án, ký, ghi rõ cấp bậc, họ và tên.

(20) Số: do cơ quan Công an ghi theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, thống kê nghiệp vụ Cảnh sát.

KÝ HIỆU DÙNG TRONG SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN

	Hướng gió thổi		Trụ nước chữa cháy loại nổi
	Điểm phát sinh sự cố, tai nạn		Trụ nước chữa cháy loại ngầm
	Lối thoát nạn		Đường vòi A chữa cháy
	Hướng tấn công chính		Đường vòi B chữa cháy
	Nhà tranh, tre, nứa, lá		Cuộn vòi ru lô chữa cháy
	Nhà nhiều tầng (N tầng)		Lăng A
	Nhà khung thép mái tôn		Lăng B
	Nhà lợp ngói		Lăng phun bột
	Đầm lầy		Lăng phun bột độ nở cao
	Sông, ngòi		Lăng đa tác dụng
	Rừng cây		Lăng hương sen
	Ao, hồ		Ba chạc chữa cháy
	Túi cứu thương		Hai chạc chữa cháy
	Máy bơm thủy lực		Bình chữa cháy xách tay gốc nước
	Thiết bị cắt thủy lực		Bình bột chữa cháy xách tay
	Thiết bị bành thủy lực		Bình khí chữa cháy xách tay
	Kích thủy lực cầm tay		Đồng hồ đo áp lực bình khí
	Xuồng cao su trên xe CNCH		Bộ điều khiển túi nâng
	Phao tròn cứu sinh		Máy phát điện di động
	Bộ quần áo lặn		Thiết bị phá dỡ cầm tay
	Máy đục bê tông		Cuộn dây CNCH 50m
	Túi nâng		Búa nhỏ
	Bảng khoanh vùng nguy hiểm		Búa tạ
			Rìu nhỏ
			Kìm cộng lực
			Đai cứu nạn

	Xe chỉ huy		Xe bảo dưỡng, sửa chữa kỹ thuật
	Xe chữa cháy có téc		Xe thông tin chỉ huy
	Xe chữa cháy không téc (xe bơm)		Xe chiếu sáng chữa cháy
	Xe chữa cháy công nghệ CAFS		Xe xử lý hóa chất
	Xe chữa cháy công nghệ 1 - 7		Xe chở nước
	Xe chữa cháy sân bay		Xe chở quân
	Xe chữa cháy rừng		Xe chở phương tiện chữa cháy
	Xe chữa cháy hóa chất		Xe tiếp nhiên liệu chữa cháy
	Xe chữa cháy đường hầm		Xe chở hóa chất chữa cháy
	Xe đường sắt chữa cháy		Xe chở vòi chữa cháy
	Xe chữa cháy lưỡng cư		Xe nâng
	Máy bơm chữa cháy khiêng tay		Xe cầu
	Máy bơm chữa cháy loại nổi		Xe máy xúc
	Tàu chữa cháy trên biển		Xe máy ủi
	Tàu chữa cháy trên sông		Cờ chỉ huy chữa cháy
	Xuồng, ca nô chữa cháy		Thang ba
	Máy bay chữa cháy		Thang hộp
	Xe cứu nạn, cứu hộ		Thang móc
	Xe cứu thương		Thang dây
	Xe thang		Đệm hơi cứu người
	Máy cưa xích		Máy hút khói
	Máy cắt		Đèn chiếu sáng di động
	Bình khí nén		Cạn nhiên liệu
	Quạt gió		Áo phao

	Túi cứu thương		Thiết bị phá dỡ cầm tay
	Máy bơm thủy lực		Cuộn dây CNCH 50m
	Thiết bị cắt thủy lực		Búa nhỏ
	Thiết bị phanh thủy lực		Búa tạ
	Kịch thủy lực cầm tay		Rìu nhỏ
	Xuồng cao su trên xe CNCH		Kim cộng lực
	Phao tròn cứu sinh		Đai cứu nạn
	Bộ quần áo lặn		Bảng khoanh vùng nguy hiểm
	Máy đục bê tông		Máy cẩu xích
	Túi nâng		Máy cắt
	Đồng hồ đo áp lực bình khí		Cán nhiên liệu
	Bộ điều khiển túi nâng		Bình khí nén
	Máy phát điện di động		Quạt gió
			Áo phao

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2019/NĐ-CP
ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ
đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 3570/TB-TTKQH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tổng Thư ký Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Mức sinh hoạt phí cơ sở áp dụng chung cho tất cả các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là 1.350 đô-la Mỹ/người/tháng và sẽ được xem xét điều chỉnh khi chỉ

số giá tiêu dùng tại các địa bàn tăng từ 10% trở lên hoặc tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm khám, chữa bệnh ở nước ngoài bằng mức mua bảo hiểm khám, chữa bệnh ở nước ngoài dành cho thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài. Mức hỗ trợ này sẽ được xem xét điều chỉnh tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 402/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 140/TTr-CP ngày 12/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 26 công dân hiện đang cư trú tại Singapore (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYỀN CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Thị Ánh Xuân

**DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI SINGAPORE
ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 402/QĐ-CTN ngày 13 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch nước)*

1. **Nguyễn Thị Ánh Tuyết**, sinh ngày 09/11/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, Giấy khai sinh số 702 ngày 10/12/1992
Hiện trú tại: BLK 225, Lorong 8, Toa Payoh, #04-64, Singapore 310225
Hộ chiếu số: C4419982 cấp ngày 25/12/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 365/32 Lê Văn Quới, khu phố 5, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
2. **Ngô Thị Nhân**, sinh ngày 10/12/1982 tại Bến Tre Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Giấy khai sinh số 154 ngày 22/9/1987
Hiện trú tại: BLK 329 Clementi Aeunue 2, #03-228, Singapore 120329
Hộ chiếu số: C8557830 cấp ngày 06/12/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 62 Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
3. **Phan Thị Lệ Thủy**, sinh ngày 23/5/1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 50 ngày 26/7/1988
Hiện trú tại: 37 Glasgow Road, Singapore 549353
Hộ chiếu số: C7657197 cấp ngày 25/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 120 Lô O, Chung cư Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

-
4. **Trần Thị Tú Anh**, sinh ngày 17/6/1984 tại Hậu Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tường,
huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, Giấy khai sinh số 136
ngày 11/5/2012
Hiện trú tại: Block 179 Yung Sheng Road, #14-137,
Singapore 610179
Hộ chiếu số: N1983837 cấp ngày 13/11/2018 tại Đại sứ
quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 58 Nguyễn Trãi, Phường 3,
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
5. **Trịnh Thị Thanh Xuyên**, sinh ngày 19/6/1987 tại Hà Tĩnh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Đôi
Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, Giấy khai sinh số 393
ngày 28/07/2010
Hiện trú tại: BLK 553 Woolands Drive 44, #08 - 18, Singapore
730553
Hộ chiếu số: C0757719 cấp ngày 22/7/2015 tại Cục Quản lý
xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khóm 7, thị trấn Cái Đôi
Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
6. **Loh Tâm Như (Jasmine)**, sinh ngày 03/5/2000 tại Thành phố Giới tính: Nữ
Hồ Chí Minh
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí
Minh, Giấy khai sinh số 500 ngày 24/7/2000
Hiện trú tại: APT BLK 312 Jurong East Street 32, #05 - 307,
Singapore 600312
Hộ chiếu số: B9154780 cấp ngày 19/5/2014 tại Cục Quản lý
xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 223 Phùng Văn Cung,
Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
7. **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**, sinh ngày 04/4/1986 tại Bà Rịa - Giới tính: Nữ
Vũng Tàu
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Thắng Tam,
thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Giấy khai sinh
số 1232 ngày 13/5/1986
Hiện trú tại: Geylang East Avenue 1, Block 1, #10-08,
Singapore 389778

Hộ chiếu số: N1983658 cấp ngày 07/10/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 1A/3 Hồ Quý Ly, phường Thăng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

8. **Nguyễn Xuân Phi**, sinh ngày 04/7/1996 tại Đà Nẵng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Giấy khai sinh số 187 ngày 29/7/1996
Hiện trú tại: 30 Holland Close, #09-195, Singapore 270030
Hộ chiếu số: B7716164 cấp ngày 24/4/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 36/12 Yên Bái, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
9. **Hồ Thị Thùy Trang**, sinh ngày 22/6/1984 tại Đà Nẵng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Giấy khai sinh số 176 ngày 20/8/1984
Hiện trú tại: Block 426 Hougang Avenue 6, #05-48, Singapore 530426
Hộ chiếu số: B9865082 cấp ngày 02/12/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 154/182/15 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
10. **Phạm Thị Đoan Trang**, sinh ngày 13/7/1989 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 18 ngày 14/11/1989
Hiện trú tại: BLK 217 Marsiling Crescent, #04-87, Singapore 730217
Hộ chiếu số: B5411257 cấp ngày 23/6/2011 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

-
11. **Nguyễn Thị Bích Chi**, sinh ngày 26/11/1985 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 135 ngày 29/5/2012
Hiện trú tại: BLK 461C Bukit batok West Avenue 8, #13-738, Singapore 653461
Hộ chiếu số: B6756027 cấp ngày 08/6/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Phước An, xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
12. **Phạm Thị Tú Uyên**, sinh ngày 15/11/1984 tại Đồng Tháp Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Giấy khai sinh số 112 ngày 15/4/1995
Hiện trú tại: BLK 154 Ang Mo Kio Avenue 5, #11-3104, Singapore 560154
Hộ chiếu số: B6461839 cấp ngày 21/3/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thuận Trung, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
13. **Lê Thị Mỹ Linh**, sinh ngày 28/12/1989 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 12 ngày 26/3/1990
Hiện trú tại: 313C Anchorvale Road, #05-150, Singapore 543313
Hộ chiếu số: B7412320 cấp ngày 19/02/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
14. **Lee Man Ta Jonathan Andrew**, sinh ngày 25/4/2000 tại Giới tính: Nam
Thành phố Hồ Chí Minh
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Giấy khai sinh số 55 ngày 22/5/2000

Hiện trú tại: 293 Pasir Panjang Road, White Villas Row, Singapore 118634

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 208 Mỹ Kim 1, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

15. **Trương Thị Ngọc Bích**, sinh ngày 19/3/1985 tại Long An Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Giấy khai sinh số 220 ngày 26/8/1988
Hiện trú tại: Block 121C, Canberra Street, #06 - 737, Singapore 753121
Hộ chiếu số: B7929152 cấp ngày 04/6/2013 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Hòa Thuận 2, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
16. **Võ Thị Thanh Hiệp**, sinh ngày 16/6/1986 tại Tiền Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, Giấy khai sinh số 113 ngày 06/9/1989
Hiện trú tại: 643 Jurong West Street 61, #02 - 80, Singapore 640643
Hộ chiếu số: N2329246 cấp ngày 22/4/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ 3 ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
17. **Đỗ Thị Nhung**, sinh ngày 27/4/1984 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 20 ngày 11/3/2009
Hiện trú tại: BLK 377B, Hougang Street 32, #11-25, Singapore 532377
Hộ chiếu số: C5933998 cấp ngày 27/8/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn 9, xóm Gò Mận, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

-
18. **Nguyễn Yến Nhi**, sinh ngày 18/02/1993 tại Vĩnh Long Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tân Phú,
huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, Giấy khai sinh số 47
ngày 05/02/1999
Hiện trú tại: BLK 2, Lorong 7 Toa Payoh, #01-37,
Singapore 310002
Hộ chiếu số: N1984130 cấp ngày 03/01/2019 tại Đại sứ
quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Phú Long, xã Tân Phú,
huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
19. **Phạm Tuyết Ngọc Nga**, sinh ngày 17/7/1986 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa
Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh
số 395 ngày 24/9/1990
Hiện trú tại: BLK 556 Bedok North Street 3, #11-946,
Singapore 460556
Hộ chiếu số: N1751098 cấp ngày 23/6/2015 tại Đại sứ
quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 46/1 Khu phố 4, thị trấn
Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh
20. **Vũ Như Nguyễn**, sinh ngày 09/3/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 1, quận
Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 57
ngày 31/3/1992
Hiện trú tại: Block 785 Yishun Avenue 2, #12-1507,
Singapore 760785
Hộ chiếu số: N1863900 cấp ngày 29/11/2017 tại Đại sứ
quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 332/58 Thoại Ngọc Hầu,
phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
21. **Phạm Thị Hoài**, sinh ngày 12/6/1984 tại Quảng Bình Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Ngư Thủy
Bắc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, Giấy khai sinh số
52 ngày 21/4/2008

Hiện trú tại: BLK 696 Hougang Street 61, #02-56, Singapore 530696

Hộ chiếu số: N2163544 cấp ngày 06/7/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Bắc Hòa, xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

22. **Nguyễn Thị Thúy Hằng**, sinh ngày 24/9/1992 tại Cà Mau Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Giấy khai sinh số 629 ngày 30/10/2007
Hiện trú tại: BLK 128C Canberra street, #09-562, Singapore 753128
Hộ chiếu số: N1965987 cấp ngày 23/5/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 58/35/6 đường Âu Cơ, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
23. **Trần Thị Phương Trang**, sinh ngày 27/01/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 30 ngày 15/02/1989
Hiện trú tại: BLK 774 Bedok Reservoir View, #13-103, Singapore 470774
Hộ chiếu số: C1428301 cấp ngày 01/4/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 402/47A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
24. **Trần Thị Hoa Mỹ**, sinh ngày 01/02/1985 tại Vĩnh Phúc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, Giấy khai sinh số 104 ngày 08/7/2016
Hiện trú tại: 1B Dyson Road, Singapore 309411
Hộ chiếu số: N1905548 cấp ngày 19/3/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 18A/28/15 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

25. **Đặng Thị Thanh Thảo**, sinh ngày 26/8/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 144 ngày 14/9/1987
Hiện trú tại: Hollan Close BLK4 #07-27, Singapore 271004
Hộ chiếu số: B9742929 cấp ngày 18/12/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 756/81/1 Đoàn Văn Bơ, Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
26. **Nguyễn Thị Kim Linh**, sinh ngày 25/01/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 23 ngày 10/7/1982
Hiện trú tại: 75 Lentor Grove, Singapore 789228
Hộ chiếu số: N2138861 cấp ngày 20/01/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Lô B 215, Lầu 1 Chung cư Chợ Quán, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
-

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 403/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 114, 116/TTr-CP ngày 28/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 09 công dân hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYỀN CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Thị Ánh Xuân

**DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI CHLB ĐỨC
ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 403/QĐ-CTN ngày 13 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch nước)*

- Nguyễn Thụy Di Nguyên**, sinh ngày 27/7/1981 tại Giới tính: Nữ
Đồng Nai
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Giấy khai sinh số 188 ngày 11/11/1981
Hiện trú tại: Prausnitzer Str.9, 31832 Springe, Cộng hoà liên bang Đức
Hộ chiếu số: B9890488 cấp ngày 26/11/2014 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 163/23 khu phố 3, phường Hòa Bình, đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Hoàng Thị Hoài**, sinh ngày 01/6/1991 tại Quảng Bình Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Giấy khai sinh số 83 ngày 15/7/1991
Hiện trú tại: Dievenow Str.7, 14199 Berlin, Cộng hoà liên bang Đức
Hộ chiếu số: N1714498 cấp ngày 01/10/2014 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 2, Phương Xuân, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Trần Thị Hà My**, sinh ngày 01/10/1986 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 396 ngày 09/10/1986
Hiện trú tại: Kuhnbackring 59 C, 22045, Hamburg, Cộng hoà liên bang Đức

Hộ chiếu số: C4677356 cấp ngày 07/3/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 42 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

4. **Nguyễn Thị Thúy Hằng**, sinh ngày 18/8/1996 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 149 ngày 26/9/1996
Hiện trú tại: Klink St.21, 22117 Hamburg, Cộng hòa liên bang Đức
Hộ chiếu số: C1209336 cấp ngày 28/01/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Lỗ Giao, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
5. **Nguyễn Thị Phương Thảo**, sinh ngày 31/10/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Giấy khai sinh số 148 ngày 07/11/1992
Hiện trú tại: Sanddorn str. 21, 85368 Hoorburg ander Isar, Bayern, Cộng hòa Liên bang Đức
Hộ chiếu số: N2317404 cấp ngày 04/02/2021 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 330/19 Tôn Thất Thuyết, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
6. **Đỗ Thị Linh Chi**, sinh ngày 10/4/1993 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 49 ngày 21/4/1993
Hiện trú tại: Hermenn str. 30, 67547 Worms, Cộng hòa Liên bang Đức
Hộ chiếu số: C2971428 cấp ngày 07/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 56/212 Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

-
7. **Huỳnh Nguyễn Minh Thụy**, sinh ngày 01/9/1990 tại Quảng Nam Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, Giấy khai sinh số 133 ngày 16/12/1990
Hiện trú tại: Drygalski Allee 7, 81477 Munchen, Cộng hòa Liên bang Đức
Hộ chiếu số: N2358372 cấp ngày 07/4/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ 1 khu phố Nông Trường, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
8. **Đào Thị Vân Anh**, sinh ngày 21/3/1991 tại Khánh Hòa Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 280 ngày 14/10/2016
Hiện trú tại: Sonnen str. 7, 96170 Lisberg, Cộng hòa Liên bang Đức
Hộ chiếu số: K0251822 cấp ngày 21/6/2022 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 6 đường 27, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
9. **Nguyễn Quốc Vũ**, sinh ngày 27/9/1990 tại Tiền Giang Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, Giấy khai sinh số 398 ngày 23/11/2006
Hiện trú tại: Friedrich Engels Bogen 25, 81735 Munchen, Cộng hòa Liên bang Đức
Hộ chiếu số: Q00032663 cấp ngày 30/9/2022 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 404/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt NamCHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 115/TTr-CP ngày 28/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 05 công dân hiện đang cư trú tại Hồng Kông (Trung Quốc) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYỀN CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Thị Ánh Xuân

**DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ TẠI HỒNG KÔNG
ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 404/QĐ-CTN ngày 13 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch nước)*

1. **Nguyễn Thị Dạ Thảo**, sinh ngày 11/8/1994 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, Giấy khai sinh số 75 ngày 14/6/1995
Hiện trú tại: Flat Q51F, Hung Fuk Building, 40-78 Kam Ping street, North Point, Hồng Kông
Hộ chiếu số: N2410581 cấp ngày 28/6/2021 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 115 ấp Nhơn Tho 1, xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
2. **Nguyễn Thị Thu Hương**, sinh ngày 13/8/1976 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh ngày 23/8/1976
Hiện trú tại: Flat 1308 Shing Ka house, Kwai Shi Mi Estate, Kwai Chung NT, Hồng Kông
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 20 Đề Quai Chảo, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
3. **Lê Thị Bạch Yến**, sinh ngày 02/11/1993 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 241 ngày 29/12/1993
Hiện trú tại: Flat 413, 41F, Tak Yam Hse, On Yam Est P2 Kwai Chung, Hồng Kông
Hộ chiếu số: N1981189 cấp ngày 27/11/2018 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

4. **Vũ Quỳnh Chi**, sinh ngày 08/3/1996 tại Hồng Kông Giới tính: Nữ
Hiện trú tại: Room 707, 7/F, Ko On Hse, Ko Chzung Court,
Yau Tong, KLN, Hồng Kông
Hộ chiếu số: N1788441 cấp ngày 24/8/2016 tại Tổng Lãnh
sự quán Việt Nam tại Hồng Kông
5. **Vũ Thị Tuyết Nga**, sinh ngày 10/12/1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Hiện trú tại: Rm 1414 Ka Hing Lau, Ka Wai Chuen, Hung
Hom, Hồng Kông
Hộ chiếu số: Q00255710 cấp ngày 27/3/2023 tại Tổng Lãnh
sự quán Việt Nam tại Hồng Kông
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 134/17/1 Lý Chính Thắng,
Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
-

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 409/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 118/TTr-CP ngày 28/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 54 công dân hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYỀN CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Võ Thị Ánh Xuân

**DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI HÀN QUỐC
ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 409/QĐ-CTN ngày 15 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch nước)*

1. **Nguyễn Lê Bảo Trân**, sinh ngày 04/11/2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 240 ngày 31/12/2015
Hiện trú tại: 16, Doksan-ro 78na-gil, Geumcheon-gu, Seoul, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C6521957 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 22/01/2019
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
2. **Lưu Thúy Ngọc**, sinh ngày 25/02/2001 tại Bắc Giang Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Giấy khai sinh số 09 ngày 28/3/2001
Hiện trú tại: 401 ho, 22 Sinseok-ro, Seo-gu, Incheon, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N1820129 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 05/10/2016
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
3. **Lê Mai Hương**, sinh ngày 23/4/1998 tại Thanh Hóa Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Giấy khai sinh số 156 ngày 05/8/1998
Hiện trú tại: 14 Bokri 23-gil, Nongong-eup, Dalseong-gu, Daegu, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2311920 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 13/3/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

-
4. **Nguyễn Tuấn Minh**, sinh ngày 16/12/2014 tại Hải Dương Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Lê Thiện,
huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh
số 52 ngày 09/3/2016
Hiện trú tại: 103-702 Hama ro 31, Muan eup, Muan
gun, Jeollanam do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C6371700 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 29/11/2018
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Kim Sơn, xã Lê
Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
5. **Phạm Phương Anh**, sinh ngày 18/3/2010 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Kim Đính,
huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số
46 ngày 23/3/2010
Hiện trú tại: 50, Ipbuk-ro, Gwonseon-gu, Suwon-si,
Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00014461 do Đại sứ quán Việt Nam tại
Hàn Quốc cấp ngày 17/7/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Kim Đính, huyện
Kim Thành, tỉnh Hải Dương
6. **Vũ Đức Anh**, sinh ngày 26/10/2009 tại Quảng Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Hà An,
huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, Giấy khai sinh số
137 ngày 24/11/2009
Hiện trú tại: #207, 105-dong, 145-8, Janggi-dong,
Gyeyang-gu, Incheon, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9884412 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 19/11/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Hà An, huyện
Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh
7. **Bùi Viết Tòng**, sinh ngày 16/10/2008 tại Quảng Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phong Hải,
huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, Giấy khai sinh số
151 ngày 24/10/2008

- Hiện trú tại: 104 dong 1003 ho, 584 Samcheonbyeongma-ro, Paldan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00369166 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 03/8/2023
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phong Hải, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh
8. **Trần Thị Huệ**, sinh ngày 04/5/1984 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 184 ngày 28/9/2021
Hiện trú tại: B01 ho, 6-3, Oedae-ro 46beon-gil, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C2836419 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 15/02/2017
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
9. **Vũ Việt Trung**, sinh ngày 02/8/2017 tại Quảng Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 57 ngày 06/9/2017
Hiện trú tại: Chung cư Booyoung tòa 408 phòng 904, 267Sinhangdong-ro, Jinhae-gu, Changwon-si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9853258 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 20/10/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
10. **Vũ Linh Nhi**, sinh ngày 16/02/2009 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 56 ngày 03/3/2009
Hiện trú tại: 3 Jiha B02, Gunpo ro 456beongil, Gunpo si, Gyeonggi do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00404408 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 04/12/2023
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 8 ngõ 50 phố Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

-
11. **Nguyễn Thiện Nhân**, sinh ngày 10/8/2008 tại Nam Định Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Yên
Phương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Giấy khai sinh
số 146 ngày 10/11/2023
Hiện trú tại: 1Dong, 24Yanghwa-ro71beon-gil, Manan-
gu, Anyang-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9795858 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 27/8/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Yên Phương, huyện
Ý Yên, tỉnh Nam Định
12. **Bùi Hải Phương**, sinh ngày 21/4/2022 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn
Quốc, Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh số
1127/TLGCKS ngày 13/4/2023
Hiện trú tại: 902 dong 504ho, 72 galsan1-ro, Iseo-
myeon, Wanju-gun, Jeollabuk-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00293801 do Đại sứ quán Việt Nam tại
Hàn Quốc cấp ngày 17/4/2023
13. **Park Jae Sung**, sinh ngày 25/10/2018 tại Hà Nội Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân quận Bình
Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 111
ngày 17/12/2018
Hiện trú tại: 46 Munhwaseo 16-gil, Masanhappo-gu,
Changwon-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C8073808 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 27/8/2019
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 163/5 Hoàng Hoa Thám,
Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
14. **Lê Phương Thảo**, sinh ngày 02/5/1997 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng,
huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 28
ngày 24/3/2017
Hiện trú tại: 48 Jungmun-ro 81 beongil, Seogwipo-si,
Jeju-do, 101dong-201ho, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C3670365 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 12/7/2017
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phạm Thái, huyện
Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

15. **Phạm Tường Vy**, sinh ngày 06/10/2021 tại Hàn Quốc Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, Giấy khai sinh số 2266 ngày 20/7/2023
Hiện trú tại: 15-5, Dotgol-ro 94beon-gil, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00367463 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 21/7/2023
16. **Trần Tường Vy**, sinh ngày 13/6/2013 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 61 ngày 11/3/2015
Hiện trú tại: (702ho, Haebichil, Guwol dong) 26 Injudae ro 551 beongil, Namdong gu, Incheon si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: K0470754 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 10/6/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số nhà 18, hẻm 2, đường Huỳnh Công Nghệ, khu phố 5, Phường I, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
17. **Nguyễn Quang Vinh**, sinh ngày 15/5/2013 tại Giới tính: Nam
Thành phố Hồ Chí Minh
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy khai sinh số 346 ngày 09/9/2013
Hiện trú tại: 101-1205 (Seokbong dong, seowoo apt) Seokbong ro 30beon angil, Daedeok gu, Dejeon si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00235792 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 28/02/2023
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: D1 Trường Chinh, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
18. **Nguyễn Thị Ngọc Mai**, sinh ngày 24/01/2003 tại Hải Phòng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 27 ngày 17/02/2003
Hiện trú tại: Myeongseong, Na403, 30Sinseol2-gil, Gunsan-si, Jeollabuk-do, Hàn Quốc

Hộ chiếu số: C4022622 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 20/10/2017

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: đường Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

19. **Phạm Thị Kiều Trinh**, sinh ngày 18/11/2008 tại Quảng Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, Giấy khai sinh số 151 ngày 21/5/2010
Hiện trú tại: #303, Dadong, 5-5, Byeongam-ro 30beon-gil, Jinhae-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9070699 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 05/3/2020
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quảng Minh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
20. **Nguyễn Bảo Châu**, sinh ngày 31/01/2014 tại Đồng Tháp Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Giấy khai sinh số 62 ngày 11/02/2015
Hiện trú tại: 102, 403 tong, Technosangeop-ro 111, Yuga-eup, Dalseong-gun, Daegu, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9294281 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 04/11/2020
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 3, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
21. **Nguyễn Tú Trinh**, sinh ngày 25/6/1986 tại Tây Ninh Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Giấy khai sinh số 2400 ngày 19/6/1987
Hiện trú tại: 103 dong, 105 ho, 112-20, Gwangjang-ro, Gwangyang-si, Jeollanam-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N1799020 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 13/7/2016
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tân Thạnh, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

22. **Trần Mỹ Vi**, sinh ngày 24/4/2008 tại Tiền Giang
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, Giấy khai sinh số 60 ngày 22/5/2008
Hiện trú tại: 916 ho, 479, Namgang-ro, Jinju-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9202887 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 29/6/2020
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
Giới tính: Nữ
23. **Lê Thị Xuân Thu**, sinh ngày 06/01/2010 tại Hải Phòng
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 15 ngày 18/01/2010
Hiện trú tại: 58-3, Jeongwangcheon-ro 375beon-gil, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: K0372831 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 26/4/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Giới tính: Nữ
24. **Nguyễn Đức Dũng**, sinh ngày 14/3/2017 tại Hàn Quốc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, Giấy khai sinh số 389 ngày 04/4/2017
Hiện trú tại: #102, 2dong, 696-19 Yeonhui-dong, Seo-gu, Incheon, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P00228364 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 27/7/2022
Giới tính: Nam
25. **Đinh Lan Hương**, sinh ngày 02/5/2012 tại Quảng Ninh
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Quảng Chính, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, Giấy khai sinh số 104 ngày 16/5/2012
Hiện trú tại: 13-16 Seochang 1-gil, Seo-gu, Gwangju, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00035967 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 25/8/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quảng Chính, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
Giới tính: Nữ

26. **Trương Ly Den Chin**, sinh ngày 05/4/2008 tại Bà Rịa - Vũng Tàu Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Giấy khai sinh số 149 ngày 21/4/2008
Hiện trú tại: #303, Haneulchae, 17-15 Donghyanggyo 2-gil, Samnam-eup, Ulju-gun, Ulsan, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2298525 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 12/12/2020
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường 2, khu phố 3, tổ 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
27. **Châu Tấn Thành**, sinh ngày 30/4/2007 tại Thành phố Hồ Chí Minh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tân Khai, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước, Giấy khai sinh số 83 ngày 10/5/2007
Hiện trú tại: 11 Buam-gil, Bugwi-myeon, Jinan-gun, Jeollabuk-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2390543 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 28/6/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: tổ 10 ấp 2 xã Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
28. **Phan Thị Ngọc Loan**, sinh ngày 22/6/2010 tại Cần Thơ Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Giấy khai sinh số 170 ngày 28/6/2010
Hiện trú tại: 717Ho, Heukseok1gil 85, Wan san-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9792263 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 23/9/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
29. **Vũ Hải Nam**, sinh ngày 06/10/2010 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 302 ngày 09/11/2010

- Hiện trú tại: 23, Jungdong-ro 248beon-gil, Bucheon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P00016387 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 08/7/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
30. **Nguyễn Quốc Việt**, sinh ngày 08/11/2009 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 70 ngày 15/3/2010
Hiện trú tại: 23, Jungdong-ro 248beon-gil, Bucheon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P00052050 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 08/7/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
31. **Nguyễn Nguyên Phong**, sinh ngày 26/12/2013 tại Hưng Yên Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Giấy khai sinh số 18 ngày 19/02/2014
Hiện trú tại: 119, Pyeongtaek 5-ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9761344 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 26/7/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
32. **Lương Phú Hải**, sinh ngày 10/11/2009 tại Hải Dương Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hùng Long, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ, Giấy khai sinh số 75 ngày 31/12/2009
Hiện trú tại: 56 Buksam-ro 11-gil, Buksam-eup, Chilgok-gun, Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P00268009 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 30/7/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

33. **Đặng Thùy Vân**, sinh ngày 09/11/2012 tại Thái Bình
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, Giấy khai sinh số 223 ngày 05/12/2012
Hiện trú tại: 37-7 Seongseok-dong Ilsandong-gu, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P00048846 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 10/7/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
Giới tính: Nữ
34. **Nguyễn Lê Tuấn Kiệt**, sinh ngày 22/3/2021 tại Hàn Quốc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, Giấy khai sinh số 773 ngày 31/3/2021
Hiện trú tại: 221 Maeuman-ro, Sejong-si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2307306 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 05/4/2021
Giới tính: Nam
35. **Hứa Thị Huyền**, sinh ngày 21/02/1989 tại Hải Dương
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 350 ngày 01/12/2003
Hiện trú tại: Phòng 203, 914-8Bono-dong, Sanglok-gu, Ansan-si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2223845 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 02/6/2020
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
Giới tính: Nữ
36. **Dương Thị Diệu Hiền**, sinh ngày 20/10/1987 tại Đồng Tháp
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, Giấy khai sinh số 57 ngày 28/5/2010
Hiện trú tại: Chung cư Gongwon Gadong, phòng 310, 81 Gamcheon-dong, Saha-ro, Saha-gu, Busan-si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00146211 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 18/11/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp
Giới tính: Nữ

37. **Trương Anh Tú**, sinh ngày 01/01/2023 tại Hàn Quốc Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, Giấy khai sinh số 183 ngày 18/01/2023
Hiện trú tại: 359-15, Buheung-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: Q00233646 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 18/01/2023
38. **Nguyễn Tấn Phát**, sinh ngày 01/12/2006 tại Cần Thơ Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, Giấy khai sinh số 139 ngày 21/6/2011
Hiện trú tại: 38, Bonghwa-ro51beon-gil, Gimpo-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00336929 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 13/6/2023
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
39. **Mai Thị Thu Thảo**, sinh ngày 09/02/2002 tại Gia Lai Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 242 ngày 14/10/2013
Hiện trú tại: 441 Yongmin-ro, Uijeongbu-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2310253 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 17/02/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Phú Xá, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
40. **Trương Văn Tiến**, sinh ngày 24/3/2009 tại Hải Dương Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 50 ngày 28/3/2009
Hiện trú tại: 8 Yesul-ro 352beon-gil, Namdong-gu, Incheon, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9776393 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 15/7/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

41. **Nguyễn Như Quỳnh**, sinh ngày 15/7/2012 tại Hải Dương
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 151 ngày 25/7/2012
Hiện trú tại: 101-301ho, Sitibil, Deokho ro 11samseong S, Samseong myeon, Eumseong gun, Chungbuk, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P01316279 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 10/01/2023
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xóm 2, thôn Tiên Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
42. **Nguyễn Thị Hạ Thương**, sinh ngày 09/11/1996 tại Hải Dương
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 120 ngày 02/6/2009
Hiện trú tại: 41, Hwarang-ro 73-gil, Dong-gu, Daegu, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C2254168 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 07/9/2016
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
43. **Ngô Bảo Ngọc**, sinh ngày 07/7/2012 tại Phú Thọ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 27 ngày 31/7/2012
Hiện trú tại: 20 Yacheon 4gil, Gaya myeon, Hapcheon gun, Gyeongsangnam do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C8173630 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 12/9/2019
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 1/19/24 Lê Phúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
44. **Huỳnh Ngọc Thảo My**, sinh ngày 10/02/2015 tại Hàn Quốc
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, Giấy khai sinh số 134 ngày 19/3/2015

Hiện trú tại: 216-404,8, Jeongwang-daero 28beon-gil,
Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9665563 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 17/01/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 159 ấp Vĩnh Hòa 1,
xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

45. **Nguyễn Nhật Quang**, sinh ngày 05/10/2010 tại Hải Phòng Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Thủy Triều,
huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Giấy khai
sinh số 221 ngày 27/10/2010
Hiện trú tại: 54 Eomgeom-ro, Aewol-eup, Jeju-si, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: K0498112 do Cục quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 18/5/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thủy Triều, huyện
Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
46. **Lữ Thị Ngọc Linh**, sinh ngày 08/01/1990 tại Bà Rịa - Giới tính: Nữ
Vũng Tàu
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Bình Châu,
huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Giấy khai
sinh số 143 ngày 25/8/1995
Hiện trú tại: 911-ho, 271-44 Deokgye-dong, Yangju-si,
Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: N2371563 do Đại sứ quán Việt Nam tại
Hàn Quốc cấp ngày 17/4/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Châu, huyện
Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
47. **Hoàng Phương Thảo**, sinh ngày 19/9/2010 tại Thái Bình Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Quỳnh
Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Giấy khai
sinh số 143 ngày 28/9/2010
Hiện trú tại: 41 Wolgok-ro, Songak-eup, Dangjin-si,
Chungcheongnam-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: K0421866 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh
cấp ngày 16/5/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Quỳnh Hoàng, huyện
Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

48. **Ngô Thị Thúy Anh**, sinh ngày 06/5/1989 tại Kiên Giang
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, Giấy khai sinh số 436 ngày 19/8/2020
Hiện trú tại: (2 cheung) Yeohajungang gil, Noeun myeon, Chungju si, Chungcheongbuk do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: Q00013132 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 17/10/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Hòa An, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Giới tính: Nữ
49. **Vũ Đan Vy**, sinh ngày 25/7/2004 tại Hải Phòng
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Giấy khai sinh số 147 ngày 04/10/2024
Hiện trú tại: 3Jiha, Gunpo ro 456beongil, Gunpo si, Gyeonggi do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C6565721 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 27/12/2018
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 5 Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Giới tính: Nữ
50. **Trần Duy Thái**, sinh ngày 18/8/2013 tại Hải Dương
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 97 ngày 26/9/2013
Hiện trú tại: 14, Damwon-gil, Sangnok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: P00749997 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 13/10/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Giới tính: Nam
51. **Hà Ngọc Hân**, sinh ngày 25/8/1989 tại Bạc Liêu
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, Giấy khai sinh số 110 ngày 11/4/2002
Hiện trú tại: 34-5, Sicheongseo 4-gil, Yeosu-si, Jeollanam-do, Hàn Quốc
Giới tính: Nữ

Hộ chiếu số: Q00367343 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 18/7/2023

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Thạnh Trị, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

52. **Nguyễn Thị Thùy Trang**, sinh ngày 18/4/2005 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 115 ngày 27/5/2005
Hiện trú tại: 6, Jeongwang-daero 266beon-gil, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C6923296 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 14/3/2019
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
53. **Nguyễn Uyên Nhi**, sinh ngày 15/12/2009 tại Hải Dương Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Giấy khai sinh số 125 ngày 28/12/2009
Hiện trú tại: 636-10, Jeosancheokbuk-ro, Nami-myeon, Seowon-gu, Cheongju-si, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9480309 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 13/01/2022
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
54. **Phạm Nguyễn Gia Huy**, sinh ngày 14/6/2009 tại Quảng Ninh Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Giấy khai sinh số 241 ngày 24/6/2009
Hiện trú tại: 144 Giljunam-ro, Bupyeong-gu, Incheon, Hàn Quốc
Hộ chiếu số: C9773085 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 25/8/2021
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

.....

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/CD-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

CÔNG ĐIỆN

Về việc tập trung phát hiện, điều tra và xác minh thông tin để xử lý
vi phạm quy định về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá (VMS)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ điện:

- Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Công an, Quốc phòng;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương ven biển.

Sau hơn 06 năm triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU), gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC), công tác quản lý khai thác thủy sản nước ta đã có chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả, đặc biệt trong công tác lắp đặt và vận hành hệ thống giám sát hành trình tàu cá (VMS). Tuy nhiên, tình trạng tàu cá nước ta đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài vẫn diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân cơ bản thứ nhất là do số lượt tàu cá phải lắp đặt thiết bị VMS theo quy định (sau đây gọi chung là tàu cá) vi phạm các quy định về VMS vẫn còn nhiều, nhưng tỷ lệ các trường hợp vi phạm bị xử phạt còn hạn chế. Nếu không xử phạt nghiêm minh các trường hợp tàu cá vi phạm quy định về VMS, tàu cá đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài, khả năng gỡ được cảnh báo “Thẻ vàng” trong năm 2024 là rất thấp, thậm chí bị nâng lên thành cảnh báo “Thẻ đỏ” trong đợt thanh tra lần thứ 5 sắp tới của EC.

Nguyên nhân cơ bản thứ hai là các cơ quan chức năng chưa thực sự quan tâm, tập trung thực hiện nghiêm túc, triệt để, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp được

giao; người đứng đầu chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành và lực lượng chức năng tại địa phương chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ đạo của Ban Bí thư, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Để quyết tâm gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” IUU theo tinh thần Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác IUU và phát triển bền vững ngành thủy sản và Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2024 ban hành Chương trình hành động và Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Bí thư; đồng thời tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Công điện số 1058/CD-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” EC, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tiếp tục quán triệt, thống nhất nhận thức, quan điểm của Ban Bí thư trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng trực thuộc; nêu cao trách nhiệm người đứng đầu; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác IUU nói chung; đặc biệt tập trung cao độ trong công tác phát hiện, điều tra và xác minh thông tin để xử lý nghiêm minh, triệt để các vi phạm quy định về VMS nói riêng, quyết tâm gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC tại đợt thanh tra lần thứ 5 (dự kiến vào tháng 9 - 10 năm 2024); cụ thể như sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ: Thông tin và Truyền Thông, Tư pháp, Giao thông vận tải, Công an, Quốc phòng và các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển:

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống VMS (bao gồm cả phần cứng và phần mềm), tiếp tục bổ sung các tính năng quản lý tàu cá nhằm đảm bảo phát hiện ngay, kịp thời các trường hợp tự ý ngắt kết nối, tháo gửi thiết bị VMS sang các tàu khác, hoàn thành trong Quý III năm 2024.

- Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin kịp thời giữa các cơ quan chức năng để đảm bảo các trường hợp tàu cá vi phạm các quy định về VMS được phát hiện nhanh nhất, chia sẻ đến các cơ quan chức năng để điều tra, xác minh thông tin,

củng cố hồ sơ để xử phạt theo quy định; đồng thời truyền thông sâu rộng đến cộng đồng ngư dân các trường hợp chủ tàu, ngư dân bị xử phạt để răn đe, nâng cao nhận thức, giáo dục cộng đồng, hoàn thành trong Quý III năm 2024.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện, tuân thủ các quy định của Luật Thủy sản, Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản và Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

- Kiểm tra định kỳ, thường xuyên hoặc các đợt cao điểm (nếu cần thiết) chất lượng thiết bị, tình trạng lắp đặt và việc cung cấp dịch vụ hệ thống thiết bị VMS trên tàu cá để xử lý nghiêm minh chủ tàu cá, thuyền trưởng, nhà cung cấp dịch vụ vi phạm quy định pháp luật.

2. Bộ Quốc phòng:

- Chỉ đạo các lực lượng chức năng bám sát, liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với các cộng đồng ngư dân có nguy cơ cao vi phạm vùng biển nước ngoài, trên các vùng biển giáp ranh để kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc lắp đặt, tình trạng thiết bị VMS trên các tàu cá khi xuất, nhập bến, đang hoạt động trên biển để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm quy định về VMS.

3. Bộ Công an kịp thời phát hiện, điều tra và xác minh thông tin để xử lý triệt để, nghiêm minh các trường hợp tàu cá vi phạm quy định về VMS; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm các quy định pháp luật về chống khai thác IUU.

4. Bộ Tư pháp:

- Chủ trì nghiên cứu, tham mưu về giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cơ quan chuyên môn đảm bảo thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển:

- Tập trung nguồn lực, kinh phí để rà soát đảm bảo 100% tàu cá trên 15 mét khi tham gia khai thác trên biển phải lắp đặt thiết bị và duy trì kết nối hệ thống VMS theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành trong Quý III năm 2024.

- Bố trí cán bộ đủ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ thực hiện giám sát từng tàu cá của địa phương trên hệ thống VMS, kịp thời phát hiện, điều tra và xác minh thông tin để xử lý triệt để, nghiêm minh các trường hợp tàu cá vi phạm quy định về VMS.

- Tăng cường kiểm tra tình trạng lắp đặt và duy trì kết nối hệ thống VMS của 100% tàu cá khi ra vào cảng và đang hoạt động trên các vùng biển để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm quy định về VMS.

- Kiên quyết xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm các quy định pháp luật.

6. Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an, Quốc phòng, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Tư pháp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng chuyên ngành phối hợp triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp để xử lý nghiêm minh, triệt để các chủ tàu cá, tổ chức cá nhân cố tình vi phạm, tiếp tay và hỗ trợ vi phạm quy định hệ thống VMS, góp phần chấm dứt tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài.

Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU) kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban Chỉ đạo Quốc gia về IUU kết quả thực hiện Công điện này./.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2024/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông, ký tại Hà Nội ngày 21 tháng 8 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2024.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Quý Cơ quan bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG

KT. VỤ TRƯỞNG

VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Lương Ngọc

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN
VỀ VIỆC
MIỄN THỊ THỰC CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU PHỔ THÔNG

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan, sau đây gọi chung là “các Bên” hoặc gọi riêng là “mỗi Bên”,

Với mong muốn thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước,

Tính đến Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan về việc đi lại của công dân hai nước, ký tại Astana vào ngày 15 tháng 9 năm 2009,

Nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc nhập cảnh của công dân hai nước vào lãnh thổ của nhau,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

1. Công dân của một nước mang hộ chiếu phổ thông còn giá trị ít nhất 06 (sáu) tháng được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước kia trong thời gian không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh, với điều kiện tổng số ngày cư trú không vượt quá 90 (chín mươi) ngày trong mỗi giai đoạn 180 (một trăm tám mươi) ngày.

2. Những người nêu tại Khoản 1 của Điều này có ý định cư trú trên 30 (ba mươi) ngày tại nước kia phải có thị thực phù hợp với pháp luật và quy định của nước đó.

Điều 2

Những người nêu tại Điều 1 của Hiệp định này chỉ được nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh qua lãnh thổ của nước kia qua các cửa khẩu quốc tế và phải tuân thủ pháp luật và quy định của nước đó liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh của nước kia.

Điều 3

Những người nêu tại Điều 1 của Hiệp định này có nghĩa vụ phải tuân thủ pháp luật và quy định của nước sở tại trong suốt thời gian cư trú trên lãnh thổ của nước đó.

Điều 4

Mỗi Bên có quyền từ chối cho nhập cảnh, rút ngắn thời hạn cư trú hoặc chấm dứt cư trú trên lãnh thổ mình đối với công dân của Bên kia bị coi là không được hoan nghênh, phù hợp với pháp luật và quy định của sở tại.

Điều 5

Thông qua đường ngoại giao, cơ quan có thẩm quyền của các Bên thông tin cho nhau về những thay đổi liên quan đến pháp luật và quy định liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài một cách sớm nhất.

Điều 6

Trường hợp những người nêu tại Điều 1 Hiệp định này bị mất hoặc bị hỏng hộ chiếu trong thời gian cư trú trên lãnh thổ của Bên kia, họ phải rời khỏi lãnh thổ của Bên còn lại bằng giấy tờ đi lại mới do cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước người đó mang quốc tịch cấp.

Các cá nhân liên quan được yêu cầu phải hoàn thành các thủ tục cần thiết để xuất cảnh, phù hợp với quy định của nước sở tại.

Điều 7

Trường hợp những người nêu tại Điều 1 Hiệp định này không thể rời lãnh thổ của Bên kia trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập cảnh vì lý do bất khả kháng thì họ phải làm thủ tục gia hạn cư trú phù hợp với pháp luật và quy định của nước sở tại.

Điều 8

1. Các Bên sẽ trao cho nhau qua đường ngoại giao các mẫu hộ chiếu phổ thông và giấy tờ đi lại nêu tại Điều 6 Hiệp định này không muộn hơn 30 (ba mươi) ngày sau ngày Hiệp định được ký kết.

2. Trong trường hợp ban hành các mẫu hộ chiếu phổ thông và giấy tờ đi lại mới hoặc có thay đổi đối với các mẫu hiện hành, các Bên sẽ ngay lập tức thông tin cho nhau và gửi mẫu hộ chiếu và giấy tờ đi lại đó qua đường ngoại giao, cũng như các thông tin liên quan đến việc áp dụng, không muộn hơn 30 (ba mươi) ngày trước khi chính thức ban hành hay thay đổi các mẫu này.

Điều 9

1. Mỗi Bên có quyền tạm đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực của Hiệp định để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, thông qua thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại qua đường ngoại giao. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhập được thông báo, hoặc sớm nhất có thể trong trường hợp khẩn cấp. Các Bên sẽ thống nhất ngày Hiệp định sẽ có hiệu lực trở lại tạm thời, một phần hoặc toàn bộ thông qua đường ngoại giao.

2. Việc đình chỉ Hiệp định phù hợp với Khoản 1 Điều này không ảnh hưởng đến quyền của các cá nhân nêu tại Điều 1 của Hiệp định đang cư trú trên lãnh thổ của Bên đình chỉ Hiệp định.

Điều 10

Bất cứ khác biệt hoặc tranh chấp nảy sinh trong quá trình giải thích và áp dụng các điều khoản của Hiệp định sẽ được giải quyết thông qua tham vấn và đàm phán giữa các Bên.

Điều 11

Bằng đồng thuận, hai Bên có thể sửa đổi hoặc bổ sung Hiệp định này bằng các Nghị định thư bổ sung. Các Nghị định thư này sẽ là một phần không tách rời của Hiệp định.

Điều 12

1. Hiệp định này được ký kết có giá trị vô thời hạn và có hiệu lực 30 (ba mươi) ngày sau ngày nhận được thông báo cuối cùng của các Bên qua đường ngoại giao khẳng định việc đã hoàn tất thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định bằng thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản qua đường ngoại giao. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Bên còn lại nhận được thông báo đó.

Làm tại Hà Nội vào ngày 21/8/2023 thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc-xtan và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có khác biệt, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**



Ông Bùi Thanh Sơn
Bộ trưởng Ngoại giao

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN**



Ông Murat Nurtleu
Phó Thủ tướng
Bộ trưởng Ngoại giao

**AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN
ON
VISA EXEMPTION FOR HOLDERS OF ORDINARY PASSPORTS**

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Kazakhstan, hereinafter referred to collectively as the "Parties" and individually as a "Party",

Willing to promote friendly relations between the States of the Parties,

Taking into account the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Kazakhstan on mutual trips of the citizens of both States signed at Astana on September 15th 2009,

In order to facilitate the entry of citizens of their States into the territories of the States of the Parties,

Have agreed as follows:

Article 1

1. Citizens of the State of one Party possessing valid ordinary passports with a minimum validity of 06 (six) months shall be exempt from visa requirements for entry, exit, transit, temporary stay in the territory of the State of the other Party for a period not exceeding 30 (thirty) calendar days from the date of entry, provided that their accumulated duration of stay shall not exceed 90 (ninety) calendar days within each period of 180 (one hundred and eighty) calendar days.

2. If the individuals referred to in paragraph 1 of this Article intend to stay in the territory of the State of the other Party longer than the 30-day period, they

must obtain an appropriate visa required in accordance with the laws and regulations of the State of this Party.

Article 2

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement may enter and exit or transit through the territory of the State of the other Party only through the checkpoints open for international travel and must comply with the laws and regulations of that Party's State regarding entry, exit and transit.

Article 3

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement have the obligation to observe laws and regulations of the State of the other Party during their stay in the latter's territory.

Article 4

Each Party reserves the right to refuse the entry of the citizens of the State of the other Party whom it may consider undesirable or to shorten or terminate their stay in the territory of its State, in accordance with its laws and regulations.

Article 5

Through diplomatic channels, the competent authorities of the Parties shall, at the earliest time as possible, inform each other of changes of their laws and regulations concerning the entry, exit and temporary stay of foreigners.

Article 6

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement, in case of a loss or damage to valid ordinary passports during the stay in the territory of the State of the other Party, shall leave the territory of that Party's State on the basis of new valid travel documents issued to them by the diplomatic mission or consular posts of the State of their nationality.

The individuals concerned are required to complete necessary procedures for departure in accordance with the legislation of the State of the host Party.

Article 7

The individuals referred to in Article 1 of this Agreement who are unable to leave the territory of the State of the other Party within 30 (thirty) calendar days from the date of their entry due to force majeure circumstances are required to extend their stay in accordance with the laws and regulations of the State of the host Party.

Article 8

1. The Parties shall exchange the samples of their valid ordinary passports and travel documents mentioned in Article 6 of this Agreement through diplomatic channels no later than 30 (thirty) calendar days after the date of signing of this Agreement.

2. In case of introduction of new ordinary passports and travel documents, or changes to the existing ones, the Parties shall immediately inform each other accordingly and send the samples of such passports and travel documents through diplomatic channels, as well as information relating to their application, no later than 30 (thirty) calendar days prior to their official introduction or change.

Article 9

1. Each Party shall have the right to temporarily, partially or completely, suspend the effect of this Agreement in order to ensure national security, protect public order or public health by written notification to the other Party through the diplomatic channels. In such a case, the validity of this Agreement shall be suspended upon the expiration of 48 (forty-eight) hours from the receipt of such notification, or as soon as possible in case of emergency. The Parties shall agree on the date of temporary, full or partial resumption of this Agreement through diplomatic channels.

2. The suspension of this Agreement in accordance with paragraph 1 of this Article does not affect the rights of the individuals referred to in Article 1 of this Agreement staying in the territory of the State of the Party implementing the suspension of this Agreement.

Article 10

Any differences or disputes arising from the interpretation or application of the provisions of this Agreement shall be resolved through consultations or negotiations between the Parties.

Article 11

By mutual consent, the Parties may amend or supplement this Agreement by additional Protocols, which shall form as integral parts of this Agreement.

Article 12

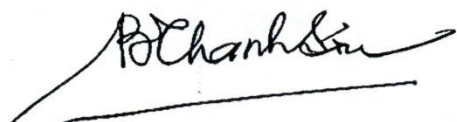
1. This Agreement shall be concluded for an indefinite period and shall enter into force 30 (thirty) calendar days after the date of receipt by the Parties of the last written notification through diplomatic channels confirming the completion of their internal procedures required for its entry into force of this Agreement.

2. Each Party may terminate this Agreement by notifying the other Party in writing through diplomatic channels. In such a case, this Agreement shall be terminated after 90 (ninety) calendar days from the date of receipt of such notification of the other Party.

Done in Hanoi on 21/8/2023 in duplicate, each in the Vietnamese, Kazakh, and English with all texts being equally authentic. In case of divergence in the interpretation of this Agreement, the English text shall prevail.

**FOR THE GOVERNMENT OF THE
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**FOR THE GOVERNMENT OF THE
REPUBLIC OF KAZAKHSTAN**


H.E, Mr. Bui Thanh Son
Minister of Foreign Affairs


H.E, Mr. Murat Nurtaleu
Deputy Prime Minister
Minister of Foreign Affairs

**Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен
Қазақстан Республикасының Үкіметі арасындағы ұлттық
паспорттардың иелерін визалық талаптардан босату туралы
келісім**

Бұдан әрі бірлесіп «Тараптар» және жеке-жеке «Тарап» деп аталатын Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі

Тараптар мемлекеттері арасындағы достық қарым-қатынастарды дамытуға жәрдемдесуді қалай отырып,

2009 жылғы 15 қыркүйекте Астана қаласында жасалған Вьетнам Социалистік Республикасының Үкіметі мен Қазақстан Республикасының Үкіметі арасындағы екі мемлекет азаматтарының өзара сапарлары туралы келісімді назарға ала отырып,

Тараптар мемлекеттерінің аумағына өз мемлекеттері азаматтарының келуін жеңілдету мақсатында

төмендегілер туралы келісті:

1-бап

1. Бір Тарап мемлекетінің азаматтары, қолданылу мерзімі кемінде 6 (алты) ай болуға тиіс жарамды ұлттық паспорттардың иелері екінші Тарап мемлекетінің аумағына келу, одан кету, транзитпен өту, уақытша болу үшін келген күннен бастап күнтізбелік 30 (отыз) күннен, күнтізбелік 180 (жүз сексен) күннің әрбір кезеңі ішінде жиынтығында күнтізбелік 90 (тоқсан) күннен аспайтын кезеңге визалық талаптардан босатылады.

2. Егер осы баптың 1-тармағында көрсетілген адамдар екінші Тарап мемлекетінің аумағында 30 күннен артық болуға ниет білдірсе, олар осы Тарап мемлекетінің заңнамасы мен қағидаларына сәйкес талап етілетін тиісті виза алуға тиіс.

2-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдар халықаралық жолаушылар қатынасына арналған екінші Тарап мемлекетінің өткізу пункттері арқылы ғана екінші Тарап мемлекетінің аумағы арқылы кіре алады, кете алады немесе транзитпен өте алады және осы Тарап мемлекетінің кіруге, кетуге және транзитпен өтуге қатысты заңнамасы мен қағидаларын сақтауға тиіс.

3-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдар өздері екінші Тарап мемлекетінің аумағында болған кезеңде соңғысының заңнамасы мен қағидаларын сақтауға міндетті.

4-бап

Әрбір Тарап өз мемлекетінің заңнамасы мен қағидаларына сәйкес өз аумағына кіргізуден бас тарту не онда болу мерзімін қысқарту құқығын өзіне қалдырады.

5-бап

Тараптардың құзыретті органдары шетелдіктердің келуіне, кетуіне және уақытша болуына қатысты өздерінің заңнамасы мен қағидаларындағы өзгерістер туралы бірін бірі мүмкіндігінше қысқа мерзім ішінде дипломатиялық арналар арқылы хабардар етуге тиіс.

6-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдар екінші Тарап мемлекетінің аумағында болған кезде жарамды ұлттық паспорттарын жоғалтып немесе бүлдіріп алған жағдайда өздері азаматтары болып табылатын мемлекеттің дипломатиялық өкілдігі немесе консулдық мекемесі берген жаңа жарамды жол жүру құжаттарының негізінде осы мемлекеттің аумағынан кете алады.

Тиісті адамдар қабылдаушы Тарап мемлекетінің заңнамасына сәйкес кетуге қажетті рәсімдерден өтуге тиіс.

7-бап

Осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген, еңсерілмейтін күш мән-жайларына байланысты өздері келген күннен бастап күнтізбелік 30 (отыз) күн ішінде екінші Тарап мемлекетінің аумағынан шыға алмайтын адамдар қабылдаушы Тарап мемлекетінің заңнамасы мен қағидаларына сәйкес өздерінің болуын ұзартуға міндетті.

8-бап

1. Тараптар осы Келісімнің 6-бабында көрсетілген жарамды ұлттық паспорттардың және жол жүру құжаттарының үлгілерімен осы Келісімге қол қойған күннен кейін күнтізбелік 30 (отыз) күннен кешіктірмей дипломатиялық арналар арқылы алмасады.

2. Жаңа ұлттық паспорттар мен жол жүру құжаттары енгізілген немесе қолданыстағыларына өзгерістер енгізілген жағдайда Тараптар бұл туралы бірін бірі дереу хабардар етеді және осындай паспорттар мен жол жүру құжаттарының үлгілерін, сондай-ақ олардың қолданылуына қатысты ақпаратты олар ресми енгізілгенге немесе өзгертілгенге дейін күнтізбелік 30 (отыз) күннен кешіктірмей дипломатиялық арналар арқылы жібереді.

9-бап

1. Кез келген Тарап ұлттық қауіпсіздікті, қоғамдық тәртіпті немесе қоғамдық денсаулық сақтауды қамтамасыз ету ниетімен осы Келісімнің қолданылуын дипломатиялық арналар арқылы екінші Тарапты жазбаша нысанда хабардар ету жолымен уақытша, ішінара немесе толық тоқтата тұруға құқылы. Мұндай жағдайда осы Келісімнің қолданылуы осындай хабарлама алынған күннен бастап 48 (қырық сегіз) сағат өткеннен кейін немесе аса қажет болған жағдайда мүмкіндігінше тезірек тоқтатыла тұрады. Тараптар осы Келісімнің қолданылуының уақытша, толық немесе ішінара қалпына келтіру күнін дипломатиялық арналар арқылы келіседі.

2. Осы баптың 1-тармағына сәйкес осы Келісімнің қолданылуын тоқтата тұру осы Келісімнің қолданысын тоқтата тұруды жүзеге асыратын Тарап мемлекетінің аумағында жүрген, осы Келісімнің 1-бабында көрсетілген адамдардың құқықтарын қозғамайды.

10-бап

Осы Келісімнің ережелерін түсіндіру немесе қолдану кезінде туындайтын кез келген келіспеушіліктер немесе даулар Тараптар арасындағы консультациялар немесе келіссөздер арқылы шешіледі.

11-бап

Тараптардың өзара келісуі бойынша осы Келісімге өзгерістер мен толықтырулар енгізілуі мүмкін, олар осы Келісімнің ажырамас бөлігі болып табылады және жекелеген хаттамалармен ресімделеді.

12-бап

1. Осы Келісім белгіленбеген мерзімге жасалады және оның күшіне енуі үшін қажетті мемлекетішілік рәсімдерді Тараптардың орындағаны туралы соңғы жазбаша хабарлама дипломатиялық арналар арқылы алынған күннен бастап күнтізбелік 30 (отыз) күн өткен соң күшіне енеді.

2. Тараптардың әрқайсысы екінші Тарапты дипломатиялық арналар арқылы жазбаша нысанда хабардар ете отырып, осы Келісімді бұза алады. Мұндай жағдайда осы Келісімнің қолданылуы екінші Тараптан осындай хабарлама алынған күннен бастап күнтізбелік 90 (тоқсан) күннен кейін тоқтатылады.

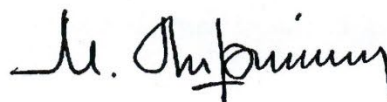
21 тамыз 2023 жыл, Ханой, Вьетнам қаласында әрқайсысы қазақ, вьетнам және ағылшын тілдерінде екі данада жасалды, бұл ретте барлық мәтіндердің күші бірдей. Осы Келісімнің мәтіндері арасында алшақтықтар туындаған жағдайда Тараптар ағылшын тіліндегі мәтінге жүгінеді.

**Вьетнам Социалистік
Республикасының Үкіметі үшін**



Буй Тхань Шон
Вьетнам Социалистік Республикасының
Сыртқы істер министрі

**Қазақстан Республикасының
Үкіметі үшін**



Мұрат
Әбугалиұлы Нұртілеу
ҚР Премьер-Министрінің орынбасары
- Сыртқы істер министрі

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng